TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 9 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Phước**

2. Bà **Dương Thị Tú Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Võ Minh Đ,** sinh năm 1997; Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị Huỳnh N,** sinh năm 1996; Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Võ Minh Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị N có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/5/2017. Vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2018 đến nay do thường xuyên mâu thuẫn, không còn tình cảm, sống chung không hợp. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có một người con chung là Võ Minh K, sinh ngày 09/6/2017, hiện đang sống với chị N. Anh yêu cầu giao con chung cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Huỳnh Thị Huỳnh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần Nng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho anh Đ được ly hôn với chị N.

+ Về con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Võ Minh K, sinh ngày 09/6/2017 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục, anh Đ có quyền thăm nom không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng: Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K là 745.000đ/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Do Đ sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị N đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai Nng vắng mặt, anh Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh Đ và chị N là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Đ và chị N tự nguyện sống chung từ năm 2016 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên hôn nhân giữa anh Đ và chị N là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, anh Đ và chị N đã ly thân từ năm 2018 đến nay, xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống

chung với nhau Nng anh Đ và chị N không sống chung với nhau mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mặc khác Tòa án đã triệu tập nhiều lần Nng chị N vẫn không đến, N vậy chị N đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của anh Đ và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ, cho anh Đ ly hôn với chị N.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của anh Đ thì anh Đ và chị N có một người con chung là Võ Minh K, sinh ngày 09/6/2017, hiện đang sống với chị N. Chị N đã được Tòa án thông báo về việc anh Đ yêu cầu giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng Nng chị N không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh Đ. Xét thấy, cháu K sống cùng với chị N từ khi ly thân đến nay và phát triển tốt. Đồng thời, anh Đ cũng đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu K, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ: Giao cháu Võ Minh K, sinh ngày 09/6/2017 cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con"*. Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định pháp luật nên được chấp nhận. Theo quy định pháp luật thì mức cấp dưỡng mỗi tháng không thấp hơn ½ mức lương cơ sở (mức lương cơ sở hiện nay là 1.490.000 đồng/tháng). Do đó, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Võ Minh K, sinh ngày 09/6/2017 theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng với mức cấp dưỡng là 745.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/9/2021).

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng. Chị N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Võ Minh Đ ly hôn chị Huỳnh Thị Huỳnh N.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Minh K, sinh ngày 09/6/2017 cho chị Huỳnh Thị Huỳnh N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Võ Minh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Võ Minh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Võ Minh K, sinh ngày 09/6/2017 theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng với mức cấp dưỡng là 745.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 13/9/2021.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Võ Minh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng. Anh Đ đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004783 ngày 10/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí và anh Đ còn phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Chị Huỳnh Thị Huỳnh N không phải chịu án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các Đ sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly